

Bản án số: 64/2024/HNGĐ- ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2024
V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:

Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 137/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Thùy N, sinh năm 1996 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1992 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 05/8/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Thùy N trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Văn L ngày 26/10/2015. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh L. Sau đó vợ chồng đưa nhau đi làm ăn tại khu công nghiệp, đến năm 2020 vợ chồng về quê anh L làm ăn. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, anh L ham mê chơi cờ bạc, nợ nần nhiều người, dẫn đến

vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không ăn uống cùng nhau. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Hoài A, sinh ngày 23/8/2017 và Bùi Tiến D, sinh ngày 11/12/2020, hiện nay đang ở cùng anh chị. Ly hôn chị xin nuôi cháu A để anh L nuôi cháu D, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn L trình bày: Anh kết hôn với chị Trần Thị Thùy N ngày 26/10/2015. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi cưới, chị N về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh, sau đó vợ chồng đưa nhau đi làm ăn đến năm 2020 thì vợ chồng về quê làm ăn và ở tại nhà của gia đình anh. Tình cảm vợ chồng hòa thuận. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng cãi nhau nhưng vẫn sống chung nhà. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh không đồng ý, anh L mong muốn chị N suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ kể cả trường hợp phải thuê nhà đi ở chỗ khác.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Hoài A, sinh ngày 23/8/2017 và Bùi Tiến D, sinh ngày 11/12/2020, hiện nay đang ở cùng vợ chồng anh. Nếu ly hôn anh xin nuôi cháu D để chị N nuôi cháu A và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh L1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/9/2024 cháu Bùi Hoài A trình bày: Cháu là con mẹ N, bố L1. Cháu học xong lớp 1 trường tiểu học N1, hiện nay cháu đang ở cùng bố mẹ, bố mẹ mâu thuẫn như thế nào cháu không biết, nguyện vọng mong muốn bố mẹ đoàn tụ, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N. Về con chung giao cho chị N nuôi cháu A, giao cho anh L1 nuôi cháu D, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị

N, anh L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí chi N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Trần Thị Thùy N, khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Bùi Văn L, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 05/8/2024 chị Trần Thị Thùy N, có đơn xin ly hôn đối với anh Bùi Văn L. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Thùy N và anh Bùi Văn L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ. Về tình cảm: Sau khi kết hôn chị N và anh L có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan sống nên thường hay cãi nhau, nguyên nhân chính là do anh L cờ bạc không quan tâm đến gia đình nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Gia đình anh L không quan tâm lại cho rằng lỗi ở chị L, dẫn đến vợ chồng càng mâu thuẫn. Tuy ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn anh L. Anh Linh mong muốn đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa cả anh L và chị N đều thừa nhận từ việc mâu thuẫn vợ chồng đến việc chị L có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó chị N xin ly hôn là có căn cứ. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Trần Thị Thùy N được ly hôn Bùi Văn L.

Về con chung: Xét đề nghị của chị N, anh L Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa chị N và anh L đều thỏa thuận nếu ly hôn chị N nuôi cháu A, để anh L nuôi cháu D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy về quyền lợi và nghĩa vụ của vợ chồng sau khi ly hôn là như nhau, sự thỏa thuận của chị N và anh L như vậy là phù hợp nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Chị N, anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thùy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1, Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Thùy N được ly hôn anh Bùi Văn L.

2, Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thùy N được trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Hoài A, sinh ngày 23/8/2017; Giao cho anh Bùi Văn L được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Bùi Tiến D, sinh ngày 11/12/2020 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi lao động tự túc được (hiện nay cả hai con đang ở cùng chị N và anh L). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3, Về án phí: Chị Trần Thị Thùy N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000414 ngày 06/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị N, anh L có mặt có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã N (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

